

Ngày 03/01/2017, Công ty Cổ phần K Miền Trung và Công ty Cổ phần N ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 11/KKMT-NAMTAN, nội dung hợp đồng là Công ty cổ phần K Miền Trung cung cấp sắt thép xây dựng các loại cho Công ty Cổ phần N. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ các bên được hai bên thống nhất theo hợp đồng. Cụ thể:

Theo yêu cầu của Công ty Cổ phần N từ ngày 10/01/2017 đến ngày 31/8/2017, Công ty Cổ phần K Miền Trung đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty Cổ phần N lượng hàng có tổng giá trị 6.683.336.077 đồng. Công ty Cổ phần K Miền Trung thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng đã ký, trong khi đó tính đến ngày 25/12/2017 Công ty Cổ phần N đã thanh toán được số tiền 1.279.062.865 đồng, tại Biên bản đối chiếu công nợ 31/12/2017 Công ty Cổ phần N xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần K Miền Trung số tiền mua hàng: 5.404.273.212 đồng. Ngày 13/12/2018 Công ty Cổ phần N tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần K Miền Trung 1.500.000.000 đồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2018 Công ty Cổ phần N xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần K Miền Trung số tiền mua hàng là 3.904.273.212 đồng. Công ty Cổ phần K Miền Trung đã có nhiều văn bản đề nghị Công ty Cổ phần N thanh toán số tiền nêu trên cùng tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo quy định của Hợp đồng cho Công ty Cổ phần K Miền Trung, tuy nhiên Công ty Cổ phần N vẫn không thanh toán.

Do việc chậm thanh toán theo quy định của hợp đồng nên ngoài khoản nợ nêu trên Công ty Cổ phần K Miền Trung yêu cầu Công ty Cổ phần N phải trả lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là ngày 12/11/2018 với số tiền là 842.753.860 đồng. Tổng số tiền Công ty Cổ phần K Miền Trung yêu cầu Công ty Cổ phần N phải thanh toán là 4.747.027.072 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với Công ty Cổ phần N đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần N đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều 6 của Hợp đồng mua bán hàng hóa, Số: 11/KKMT-NAMTAN ngày 03/01/2017 giữa Công ty Cổ phần Nam Tân và Công ty Cổ phần K Miền Trung thỏa thuận: tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng Công ty Cổ phần N vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần N.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa Công ty Cổ phần K Miền Trung và Công ty Cổ phần N có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 11/KKMT-NAMTAN ngày 03/01/2017. Nội dung hợp đồng là Công ty Cổ phần K Miền Trung cung cấp sắt thép xây dựng các loại cho Công ty Cổ phần N. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ các bên được hai bên thống nhất theo hợp đồng.

Tại phiên tòa Công ty Cổ phần K Miền Trung yêu cầu Công ty Cổ phần N thanh toán số tiền là 4.747.027.072 đồng, trong đó nợ gốc là 3.904.273.212 đồng và nợ lãi là 842.753.860 đồng với mức lãi suất là 0,93%/tháng, lãi tính đến ngày 12/11/2018 và có Bảng kê chi tiết lãi chậm thanh toán kèm theo.

Xét yêu cầu của Công ty cổ phần K Miền Trung đối với tiền nợ gốc thì thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vào ngày 30/6/2018, hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận công nợ mua bán từ ngày 01/4/2018 đến ngày 30/6/2018 là 3.904.273.212đ, số nợ này chưa bao gồm lãi vay quá hạn phát sinh, Công ty Cổ phần K Miền Trung đã có văn bản yêu cầu Công ty Cổ phần N thanh toán tiền gốc và tiền lãi, vì vậy c**C**ộn b**u**ớc Công ty Cổ phần N phải trả cho Công ty cổ phần K Miền Trung số tiền nợ gốc 3.904.273.212 đồng là phù hợp với Điều 50 của Luật thương mại.

Xét yêu cầu của Công ty cổ phần K Miền Trung đối với tiền nợ lãi thì thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 30/7/2018, Công ty Cổ phần K Miền Trung yêu cầu tạm tính lãi đến ngày 25/7/2018. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty Cổ phần K Miền Trung yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử là 12/11/2018. Như vậy, yêu cầu tính lãi đến ngày 12/11/2018 của Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Công ty Cổ phần K Miền Trung yêu cầu Công ty Cổ phần N thanh toán tiền lãi tính đến ngày 12/11/2018 là 842.753.860 đồng. Xét thấy tại Điều 3 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 11/KKMT-NAMTAN ngày 03/01/2017 có qui định về thời hạn thanh toán như sau: “ ...Bên B đồng ý cho bên A thanh toán tiền hàng chậm nhất trong vòng 45 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản giao nhận hàng hóa ...

...Nếu đến ngày thứ 46 (kể từ ngày giao nhận hàng) bên A chưa thanh toán cho bên B thì bên A sẽ chịu lãi suất quá hạn của Ngân hàng Ngoại thương – Chi nhánh Đà Nẵng quy định...”.

Mức lãi suất Công ty Cổ phần K Miền Trung yêu cầu là 0,93%/tháng, tương đương 11,25%/năm (lãi suất 7,5% năm x 150%), mức lãi suất này phù hợp với lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Ngoại thương, vì vậy yêu cầu tính lãi suất của Công ty Cổ phần K Miền Trung là có căn cứ và phù hợp với Điều 306 của Luật thương mại nên cần chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi Công ty Cổ phần N phải thanh toán cho Công ty Cổ phần K Miền Trung là 4.747.027.072 đồng

[4] Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm Công ty Cổ phần N phải chịu theo qui định của pháp luật là:

$$4.747.027.072 \text{ đ} = 112.000.000 \text{ đ} + (0,1\% \times 747.027.072 \text{ đ}) = 112.747.027 \text{ đồng.}$$

Công ty Cổ phần K Miền Trung không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm cho Công ty Cổ phần K Miền Trung đã nộp là: 56.366.400 đồng theo biên lai thu số 3683 ngày 22/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán" của Công ty cổ phần K Miền Trung đối với Công ty Cổ phần N.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần N phải trả cho Công ty Cổ phần K Miền Trung số tiền 4.747.027.072 đồng (Bốn tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu không trăm hai mươi bảy ngàn không trăm bảy mươi hai đồng) (trong đó: nợ gốc: 3.904.273.212 đồng, nợ lãi: 842.753.860 đồng)

2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm Công ty Cổ phần N phải chịu là: 112.747.027 đồng (Một trăm mười hai triệu bảy trăm bốn bảy ngàn không trăm hai bảy đồng)

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm cho Công ty Cổ phần K Miền Trung đã nộp là: 56.366.400 đ (Năm mươi sáu triệu ba trăm

sáu sáu ngàn bốn trăm đồng) theo biên lai thu số 3683 ngày 22/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- CCTHADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Anh

